

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2018/DS-PT

Ngày 07/8/2018.

V/v tranh chấp dân sự bồi Thường
thiệt hại về tài sản do vi phạm giao
kết hợp đồng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Tôn

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Phương

Ông Đinh Chí Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà
Phạm Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp
xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2018/TLPT-DS, ngày 09/5/2018,
về việc “tranh chấp dân sự bồi thường thiệt hại về tài sản do vi phạm giao kết hợp
đồng”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 17/2018/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2018 của
Tòa án nhân dân huyện LV bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 187/2018/QĐPT-DS, ngày 09 tháng
7 năm 2018, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Tô Thị C, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Ấp Tân L, xã Tân D, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

* *Bị đơn:* Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Ấp Tân L, xã Tân D, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Nguyễn Ngọc T2, sinh năm: 1984;

Địa chỉ: Ấp Tân L, xã Tân D, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

** Người làm chứng:*

1. Chị Võ Thị Mỹ K, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Ấp Tân L, xã Tân D, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bà Lê Kim H, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Ấp Tân L, xã Tân D, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

3. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1949;

Địa chỉ: Ấp Tân L, xã Tân D, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

4. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1952;

Địa chỉ: Ấp Tân L, xã Tân D, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà Tô Thị C, anh Nguyễn Ngọc T1, anh Nguyễn Ngọc T2 và những người làm chứng là Võ Thị Mỹ K, Lê Kim H, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn C có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 06/10/2017, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa bà Tô Thị C trình bày:

Khoảng giữa tháng 4 năm 2017, anh Nguyễn Ngọc T1 với bà Tô Thị C thỏa thuận bằng lời nói, anh T1 thuê 04 công đất tầm lớn của bà C, diện tích 5.656m², thuộc thửa đất số 215, tờ bản đồ số 13, đất tọa lạc tại xã Tân Dương, phần đất này bà Tô Thị C đứng tên quyền sử dụng đất. Nội dung thỏa thuận là anh T1 thuê đất 01 công là 4.000.000 đồng, thời hạn thuê 10 năm với số tiền thuê là 160.000.000 đồng, thanh toán 03 lần trong vòng 24 tháng.

Vào ngày xới đất là ngày 25/5/2017(DL) nhằm ngày 30/4/2017(AL), bà C có nhờ anh T2 điện thoại cho anh T1 đến nhà bà để thương lượng việc cho thuê đất, do phần đất này bà C đang cho anh T2 thuê, đang chuẩn bị xạ lúa, nếu anh T1 quyết định thuê đất thì anh T2 không xạ lúa, để đất trống giao cho anh T1. Anh T1 đồng ý thuê đất, bà C đồng ý cho anh T1 thuê đất, sau khi thỏa thuận

xong anh T1 đi ra ruộng nói với người đang xới đất là không phải chặt phần đất này nữa vì anh T1 đã thuê rồi, anh T1 có hỏi anh T2 là người đang thuê canh tác đất là “Tôi thuê đất anh có buồn tôi không”. Anh T2 hỏi anh T2 như vậy là vì phần đất này bà C đã cho anh T2 thuê để trồng lúa 01 công là 2.500.000 đồng/01 năm, 01 năm làm 03 vụ lúa, vào thời gian này đang chuẩn bị xới xạ làm vụ 03, đất đã xới xong, đang chặt đất và đã ngâm lúa giống; anh T2 thuê đất 01 năm 03 vụ nhưng mới 02 vụ bà C lấy đất lại cho anh T1 thuê nên bà C trả thiệt hại cho anh T2 tiền thuê đất còn lại là 4.000.000 đồng, tiền lúa giống 700.000 đồng, tiền xới đất 600.000 đồng, phần tiền này bà C với anh T2 tự giải quyết xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Bà Tô Thị C và anh Nguyễn Ngọc T1 có thỏa thuận khoảng 20 ngày sau kể từ ngày 30/4/2017(AL) đến Ủy ban nhân dân xã Tân Dương để làm hợp đồng thuê đất nhưng bà C không có đem theo bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không làm hợp đồng được, vào chiều cùng ngày vợ và mẹ của anh T1 có đến nhà gặp bà C nói là đừng cho anh T1 thuê đất vì gia đình không đồng ý. Hai bên thỏa thuận ngày 20/6/2017(DL) nhằm ngày 26/5/2017(AL) đến Ủy ban nhân dân xã Tân Dương để làm hợp đồng nhưng anh T1 không đến, cũng không gặp bà C để bàn tính chuyện thuê đất mà bỏ đất luôn đến khi phát sinh tranh chấp.

Hai bên đã thỏa thuận xong về hợp đồng thuê đất, bà C đã giao đất cho anh T1, anh T1 đã nhận phần đất này vào ngày 30/4/2017(AL), đồng thời kể bên phần đất bà C cho anh T1 thuê có kobe vào mức đất lên bờ bình thường, anh T1 cho rằng kobe không vào được nên không thuê đất là không đúng.

Bà C yêu cầu anh Nguyễn Ngọc T1 phải bồi thường phần thiệt hại tài sản do anh T1 thuê đất, đã nhận đất rồi nhưng bỏ hoang không canh tác với số tiền là 4.500.000 đồng (gồm có tiền đất làm lúa vụ 03 là 3.200.000 đồng/04 công, 700.000 đồng tiền lúa giống và 600.000 đồng tiền xới đất).

Bà Tô Thị C thay đổi một phần yêu cầu, trước đây yêu cầu bồi thường thiệt hại tiền thuê đất là 4.000.000 đồng nhưng có thay đổi yêu cầu là chỉ yêu cầu anh T1 bồi thường tiền thuê đất là 3.200.000 đồng.

*** *Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Ngọc T1 trình bày:***

Vào khoảng tháng 4 năm 2017, bà C có nói là cho anh T1 thuê phần đất này hoặc nhờ anh T1 chỉ người để bà C cho thuê đất, vào ngày anh T2 xới đất chuẩn bị xạ lúa thì bà C kêu anh T2 điện thoại cho anh T1 đến để thỏa thuận là bà C cho thuê phần đất này, hai bên thỏa thuận thời hạn cho thuê là 10 năm, giá thỏa thuận thuê 4.000.000 đồng/01 công, trả tiền 03 lần trong vòng 24 tháng, phần đất cho thuê là khoảng 04 công đất tầm lớn, mục đích thuê là mức đất lên bờ trồng cây ăn trái, anh T1 có nói với anh T2 là lúa giống đã ngâm rồi sao, anh T2 nói là để phơi lúa lại cho gà ăn, không có lý do gì chặt đất tốn tiền nên anh T1 ra ruộng xem đất và có nói với người xới đất không phải chặt vì đã phơi lúa giống rồi, chặt đất tốn tiền.

Khoảng 20 ngày sau khi thỏa thuận, hai bên hẹn đến Ủy ban nhân dân xã Tân Dương làm hợp đồng thuê đất nhưng bà C không đem bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không làm hợp đồng được. Bà C hẹn khoảng 20 ngày sau sẽ đến Ủy ban nhân dân xã Tân Dương làm hợp đồng, do kobe lớn không vào được phần đất thuê nên anh T1 không đến Ủy ban nhân dân xã làm hợp đồng. Anh T1 không nhớ rõ ngày, khoảng sau ngày xới đất anh T1 có hỏi ông H đường để kobe đi vào phần đất thuê để mức đất lên vườn, anh T1 có gặp ông H khoảng 02 lần để hỏi mượn đường. Anh T1 chưa bao giờ nói với bà C là không thuê phần đất này, anh T1 dự định đến mùa đông xuân khi kobe vào mức đất được, anh T1 sẽ thuê đất này. Anh T1 cho rằng thỏa thuận hợp đồng thuê đất chưa xong, chưa thỏa mãn điều kiện thuê đất của anh T1. Anh T1 không đồng ý trả tiền bồi thường theo yêu cầu của bà C. Nếu trước đây bà C kêu anh T1 đến để thương lượng thỏa thuận có thể anh đồng ý hỗ trợ ½ số tiền này, anh T1 thấy mình cũng có một phần trách nhiệm nhưng nay anh không đồng ý bồi thường bất cứ khoản tiền nào theo yêu cầu của bà C.

*** *Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa anh Nguyễn Ngọc T2 trình bày:***

Phần đất có diện tích khoảng 5.000m², tọa lạc tại xã Tân Dương do bà Tô Thị C đứng tên quyền sử dụng đất, bà C đã cho anh T2 thuê để trồng lúa với giá 01 công là 2.500.000 đồng/01 năm, 01 năm làm 03 vụ lúa, vào ngày 30/4/2017 (AL) chuẩn bị xạ lúa vụ 03, đất đã xới xong, đang chặt đất và đã ngâm lúa giống. Bà C có nhờ anh T2 điện thoại cho anh T1 đến nhà bà để thương lượng việc cho

thuê đất do phần đất này đang chuẩn bị xạ lúa, nếu anh T1 quyết định thuê đất thì anh T2 không xạ lúa, để đất trống giao cho anh T1. Anh T1 đồng ý thuê đất, bà C đồng ý cho anh T1 thuê đất, sau khi thỏa thuận xong anh T1 đi ra ruộng nói với người đang xới đất là không phải chặt phần đất này nữa vì anh T1 đã thuê rồi, anh T1 có hỏi anh T2 là “Tôi thuê đất anh có buồn tôi không”. Do anh T1 đồng ý thuê đất, bà C đồng ý giao đất cho anh T1 thuê nên anh T2 ngưng việc xạ lúa làm thiệt hại đến vụ lúa của anh T2, bà C đã thương lượng bồi thường cho anh T2 phần thiệt hại về tiền thuê đất, tiền xới đất, tiền lúa giống là 4.500.000 đồng. Bà C đã bồi thường cho anh T2 xong nên anh T2 không có yêu cầu gì trong vụ kiện này.

**** Theo biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn H trình bày:***

Vào khoảng tháng 4(Âl) năm 2017 đang chuẩn bị xạ lúa vụ 3, anh Nguyễn Ngọc T1 có gặp ông H 02 lần để hỏi ông H cho mở đường cho kobe đi vào phần đất của bà C để mức đất lên bờ, do kobe lớn ông H phải di dời 04 cây Mai và 01 cây thiên tuế để mở đường nhưng sau đó không biết lý do gì anh T1 không thuê đất của bà C, cũng không có nói gì với ông H về đường đi. Ngoài ra ông H không biết nội dung gì khác.

**** Theo biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bà Lê Kim H trình bày:*** Bà là mẹ ruột của anh Nguyễn Ngọc T1, việc anh T1 thỏa thuận thuê mướn đất với ai bà không biết, bà nghe vợ của anh T1 nói là anh T1 uống rượu say nhưng về nhà đem tiền đi thuê đất nên bà với chị K (vợ của anh T1) đi đến nhà bà C để tìm anh T1 nhưng đến nhà bà C không gặp anh T1 ở đó, bà không có nói gì với bà C vì lúc đó bà C nói chuyện điện thoại, sau đó bà và chị K về nhà.

**** Theo biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa chị Võ Thị Mỹ K trình bày:*** Chị K là vợ của anh Nguyễn Ngọc T1, việc anh T1 thỏa thuận thuê mướn đất với ai chị không biết, do anh T1 uống rượu say nhưng về nhà đem tiền đi thuê đất nên chị nói với bà H đi đến nhà bà C để tìm anh T1 nhưng đến nhà bà C không gặp anh T1 ở đó, chị không có nói gì với bà C vì lúc đó bà C nói chuyện điện thoại, sau đó chị và bà H về nhà.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2018/DS-ST, ngày 28/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện LV đã tuyên như sau:

Chấp nhận yêu cầu của bà Tô Thị C.

Buộc anh Nguyễn Ngọc T1 bồi thường thiệt hại cho bà Tô Thị C tiền thuê đất là 3.200.000 đồng, tiền lúa giống là 700.000 đồng và tiền xới đất là 600.000 đồng, tổng cộng là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm thì ngày 06/4/2018, anh Nguyễn Ngọc T1 có đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Tô Thị C trình bày: Sau khi bà C và anh T1 thống nhất việc cho thuê đất, bà C đã giao đất cho anh T1, anh T1 đã nhận đất, hai bên hẹn ra Ủy ban xã Tân Dương ký hợp đồng nhưng do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là bản photo nên không làm hợp đồng được. Bà C hẹn lại anh T1 20 ngày sau ra Ủy ban xã Tân Dương ký hợp đồng nhưng anh T1 không đến và không cho bà biết là không thuê đất, bà C gặp anh T1 thì anh T1 vẫn nói là thuê đất nhưng anh T1 không thuê và bỏ đất hoang làm thiệt hại cho bà C. Nay bà Tô Thị C yêu cầu anh Nguyễn Ngọc T1 bồi thường thiệt hại cho bà C tiền thuê đất là 3.200.000 đồng, tiền lúa giống là 700.000 đồng và tiền xới đất là 600.000 đồng, tổng cộng là 4.500.000 đồng. Bằng với số tiền mà bà C đã bồi thường cho anh T2.

Anh Nguyễn Ngọc T1 trình bày: Anh T1 và bà C có thoả thuận thuê đất, chỉ là thoả thuận miệng, không có hợp đồng, do hai bên có hẹn ra Ủy ban xã Tân Dương làm hợp đồng hai lần, lần thứ nhất do bà C không có đủ giấy tờ, lần thứ hai anh T1 không đến do đất của bà C không có đường để kobe đi vào. Hai bên có thoả thuận thuê đất nhưng do chưa thoả mãn điều kiện thuê đất của anh T1 nên anh T1 không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bà C1.

Anh Nguyễn Ngọc T2 trình bày: Tôi đang thuê đất nhưng bà C yêu cầu tôi giao lại để cho anh T1 Thuê, tôi cũng thống nhất với bà C giao đất lại cho anh T1 thuê, nhưng anh T1 không thuê để đất bỏ hoang làm thiệt hại quyền lợi của bà C. Anh T2 và bà C đã thoả thuận giải quyết xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ kiện này.

Những người làm chứng: Chị Võ Thị Mỹ K xác định có đến nhà gặp bà C và nói là anh T1 không có tiền thuê đất và người làm chứng là ông Nguyễn Văn H xác định anh T1 có hỏi đường của ông H để kobe đi vào đất của bà C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi xét xử, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Ngọc T1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn là anh Nguyễn Ngọc T1 còn trong hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung: Theo đơn kháng cáo anh Nguyễn Ngọc T1 yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét bác yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại số tiền 4.500.000 đồng đối với bà Tô Thị C do không có căn cứ pháp luật.

[3] Tại phiên toà sơ thẩm và phúc thẩm anh T1 đều thừa nhận là anh có thoả thuận thuê đất của bà C nhưng chỉ là thoả thuận miệng, không có hợp đồng, anh T1 khẳng định là không bao giờ anh nói với bà C là không thuê phần đất này. Anh T1 cho rằng hai bên có thoả thuận thuê đất nhưng chưa xong do chưa thỏa mãn điều kiện thuê đất nên anh T1 không thuê đất. Tại phiên toà phúc thẩm anh T1 xác định điều kiện chưa thoả mãn để thuê đất đó là không có đường để kobe vào đất bà C, ngoài ra anh không đưa ra được điều kiện nào khác. Trong khi bà C, ông H xác định là có đường kobe đi vào đất bà C. Anh T1 trình bày nhưng anh T1 không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Anh T1 xác định là “Anh không bao giờ nói là không thuê đất của bà C1”, điều

này chứng tỏ rằng anh T1 biết khi không thuê đất là vi phạm hợp đồng, làm thiệt hại quyền lợi của bà C nhưng anh T1 vẫn để mặc cho thiệt hại xảy ra. Hội đồng xét xử xét việc trình bày của anh T1 là chưa phù hợp và không có căn cứ chấp nhận.

[4] Bà Tô Thị C yêu cầu anh Nguyễn Ngọc T1 bồi thường thiệt hại cho bà C tiền thuê đất là 3.200.000 đồng, tiền lúa giống là 700.000 đồng và tiền xới đất là 600.000 đồng, tổng cộng là 4.500.000 đồng dựa trên cơ sở là bà C đã cho anh T2 thuê đất, khi lấy đất lại cho anh T1 thuê bà đã bồi thường cho anh T2 số tiền là 4.500.000 đồng, việc bồi thường này cũng được anh T2 xác định tại phiên toà, cho nên việc bà C yêu cầu anh T1 bồi thường cho bà C là phù hợp. Hội đồng xét xử xét việc trình bày và yêu cầu của bà C là có căn cứ chấp nhận.

[5] Tại bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của bà Tô Thị C là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Việc cho thuê đất giữa bà C và anh T2, bà C đã bồi thường cho anh T2 xong. Anh Nguyễn Ngọc T2 không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Xét việc đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Ngọc T1.

Chấp nhận yêu cầu của bà Tô Thị C.

Buộc anh Nguyễn Ngọc T1 bồi thường thiệt hại cho bà Tô Thị C tiền thuê đất là 3.200.000 đồng, tiền lúa giống là 700.000 đồng và tiền xới đất là 600.000 đồng, tổng cộng là 4.500.000 đồng.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ theo quy định tại khoản 1, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí sơ thẩm.
Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bị đơn là anh Nguyễn Ngọc T1 phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 17/2018/DS-ST, ngày 28/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện LV.

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 360, 385, 393, 401 và Điều 419 Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Tô Thị C.

Buộc anh Nguyễn Ngọc T1 bồi thường thiệt hại cho bà Tô Thị C số tiền thuê đất là 3.200.000 đồng, tiền lúa giống là 700.000 đồng và tiền xới đất là 600.000 đồng, tổng cộng là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Tô Thị C mà anh Nguyễn Ngọc T1 chưa thi hành số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành đến khi thi hành án xong.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Ngọc T1 phải chịu là 225.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Tô Thị C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00806, ngày 17/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Ngọc T1 phải chịu là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai

thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0001211, ngày 13/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV, tỉnh Đồng Tháp. Anh Nguyễn Ngọc T1 đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA Tỉnh;
- TAND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (T).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Tôn